TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : **50A**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2017
V/v*"Ly hôn, nuôi con "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Huỳnh Thanh Trà

2.Ông Huỳnh Tiễn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Minh Thông - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*** *tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị *Lê Thị Vi T,* sinh năm: 1985. Hiện đang tạm trú tại: K485/3 Đường C, thành phố Đà Nẵng, có mặt

2. Bị đơn: Anh *Phạm Đại N* - sinh năm: 1983. Trú tại số 144 Đường K, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 18 tháng 4 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Vi T trình bày:*

Chị và anh Phạm Đại N kết hôn với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh N chung sống tại địa chỉ số 144 Đường K, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Cho đến mấy năm gần đây, giữa chị và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân nên thường xuyên cãi vã với nhau và anh N cũng đã một vài lần đánh đập chị. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh N đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn để sống chung và tình cảm vợ chồng không còn. Thực tế, chị và anh N đã sống ly thân gần 2 tháng nay. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đại N.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên là Phạm Thanh Th - sinh ngày: 08.8.2008. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 6 năm 2017, anh Phạm Đại N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Về những mâu thuẫn như chị T trình bày thì anh N xác định là giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn mà đó chỉ là những xích mích va chạm nhỏ chủ yếu vì chuyện con. Mọi sinh hoạt trong gia đình vẫn bình thường, về phía chị T cho rằng anh đánh đập bà T thì anh không đồng ý mặc dù tại thời điểm đó bà T đã uống bia rượu, say xỉn và có những lời lẽ xúc phạm anh cũng như cha mẹ của anh. Vì vậy, anh N không đồng ý vì ly hôn và cho rằng vẫn còn tình yêu thương vợ con, mong muốn đoàn tụ cùng với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đến phiên hòa giải ngày 05 tháng 7 năm 2017, anh Phạm Đại N và chị Lê Thị Vi T cùng tham gia và thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Vi T và anh Phạm Đại N thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Thỏa thuận giao con chung tên Phạm Thanh Th, sinh ngày: 08.8.2008 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng bắt đầu kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Tuy nhiên, đến ngày 10 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhận được văn bản thay đổi ý kiến của anh Phạm Đại N ghi ngày 07 tháng 7 năm 2017 có nội dung: Anh N xin thay đổi ý kiến, anh không thuận tình ly hôn với chị T nữa vì anh cho rằng anh còn yêu thương và mong muốn cùng chị T có thể hàn gắn, sum họp với nhau, cùng nhau xây dựng dựng hạnh phú gia đình.

* Tại văn bản ghi ý kiến của cháu Phạm Thanh Th thể hiện cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Tại biên bản xác minh ngày 24/5/2017 của Tòa án tại chính quyền địa phương, tổ dân phố nơi chị T và anh N sinh sống thể hiện: chị T và anh N hiện có cư trú, sinh hoạt tại địa chỉ trên; về mâu thuẫn gia đình thì tổ dân phố cho biết giữa chị T và và anh N cũng có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nên chính quyền địa phương chưa phải can thiệp hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Vi T đối với anh Phạm Đại N và giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

C¨n cø vµo lêi tr×nh bµy cña nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ HĐXX xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Vi T và anh Phạm Đại N kết hôn với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N, Tòa án nhận thấy: Tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh N với lý do là bất đồng quan điểm sống, quan hệ vợ chồng đã rạn nứt và đã tồn tại những mâu thuẫn từ lâu mà không thể thông cảm, chia sẻ với nhau để giải quyết triệt để vấn đề, tình cảm vợ chồng không còn. Còn anh N thì mong muốn được đoàn tụ vì anh cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị T chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh vẫn còn yêu thương vợ con và mong muốn gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải theo hướng đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh N thay đổi ý kiến về việc thuận tình ly hôn với lý do vẫn còn yêu thương vợ con tuy nhiên tại phiên tòa anh N vắng mặt thể hiện sự thiếu thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét hôn nhân giữa chị T và anh N mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử chị Lê Thị Vi T được ly hôn đối với anh Phạm Đại N.

[2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh N xác định có 01 người con chung là Phạm Thanh Th, sinh ngày 08.8.2008; Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tòa án xét thấy: Khi giải quyết cho ly hôn thì việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chưa thành niên và có xem xét đến nguyện vọng của con trên 7 tuổi, bà T và ông N đều có công việc và thu nhập ổn định, có thể đảm bảo nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, xét nguyện vọng của con chung là cháu Phạm Thanh Th muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, Tòa án quyết định giao con chung là Phạm Thanh Th cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng: *theo quy định của pháp luật người không trực tiếp nuôi con phải có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ quyết định*. Xét mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T yêu cầu là phù hợp và trong phạm vi khả năng cấp dưỡng của anh N nên Tòa án chấp nhận, buộc anh Phạm Đại N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng. Thời gian thực hiện N vụ cấp dưỡng tính từ ngày 25/8/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi .

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và N vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông N xác định không có sản chung và nợ chung; nên Tòa án không giải quyết.

[4]Án phí ly hôn sơ thẩm, chị T phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con anh N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuyên xử :

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị **Lê Thị Vi T** được ly hôn anh **Phạm Đại N.**

2. *Về con chung:* Xử giao cháu Phạm Thanh Th, sinh ngày 08/8/2008 cho chị Lê Thị Vi T trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh Phạm Đại N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện N vụ cấp dưỡng tính từ ngày 10/8/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự vẫn có mọi quyền và N vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Vi T phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu số 0009293 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Đại N phải chịu 300.000 đồng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp Quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường Hải Châu I;*

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Ngọc Kinh Luân